TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - HÀ TĨNH
Bản án số: 03/2026/DS-ST
Ngày: 28-01-2026
V/v: Kiện đòi lại tài sản và tiền lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Khánh

Ông Nguyễn Duy Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huyền Trang - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Cẩm Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2025/TLST-DS ngày 06/10/2025 về "*Kiện đòi lại tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-DS ngày 10/01/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đặng Văn L; Sinh năm 1978; Địa chỉ cư trú: Thôn B, xã C, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Hà Tĩnh; Địa chỉ trụ sở: Thôn Q, xã C, tỉnh Hà Tĩnh; Người đại diện ủy quyền: Ông Lưu Quang V – Chức vụ: Chuyên viên phòng kinh tế (Văn bản ủy quyền ngày 24/11/2025) – *Có mặt*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị L1; Sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Thôn B, xã C, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

Người làm chứng: Ông Nguyễn Huy L2; sinh năm 1981; Địa chỉ cư trú: Thôn Y, xã C, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Đặng Văn L trình bày:

Năm 2005, gia đình ông Đặng Văn L và bà Nguyễn Thị L1 có đơn xin hợp thức hóa đất liền kề (giao đất có thu tiền sử dụng đất) gửi Ủy ban nhân dân xã B (nay Ủy ban nhân dân xã C kế thừa quyền và nghĩa vụ). Ủy ban nhân dân xã B yêu cầu gia đình ông L bà L1 nộp tiền sử dụng đất số tiền 16.000.000 đồng. Ông L đã nộp đủ số tiền

16.000.000 đồng theo Phiếu thu số 13 ngày 30/12/2005 do Ủy ban nhân dân xã B lập. Sau đó nhiều lần ông L bà L1 yêu cầu Ủy ban nhân dân xã B tiếp tục làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng xã không thực hiện nên ông L bà L1 đến Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tĩnh hỏi thì được biết Ủy ban nhân dân xã B không có thẩm quyền cấp đất mà phải làm thủ tục tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tĩnh. Theo thông báo của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tĩnh, ông L đã nộp tiền sử dụng đất vào Kho bạc Nhà nước và đã được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tĩnh cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB473205 ngày 18/6/2010. Tuy nhiên, đối với số tiền 16.000.000 đồng Ủy ban nhân dân xã B thu sai quy định nhưng chưa trả lại cho ông L mặc dù ông L đã nhiều lần trực tiếp và gửi đơn đến Ủy ban nhân dân xã B yêu cầu trả lại tiền. Đến ngày 07/12/2021, Ủy ban nhân dân xã B đã có văn bản số 131/UBND- KNTC trả lời đơn của ông L thừa nhận việc thu tiền và đã sử dụng để chi vào các hoạt động chung của địa phương chưa trả lại cho ông L.

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Đặng Văn L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Ủy ban nhân dân xã C (kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân xã B) phải thanh toán cho ông L và bà L1 số tiền gốc 16.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền 20 năm tính từ năm 2005 đến năm 2025 tương ứng 32.000.000 đồng. Tổng cộng là 48.000.000 đồng. Tại phiên tòa, ông L rút một phần yêu cầu về tiền lãi, chỉ yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C thanh toán số tiền gốc 16.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả trong 15 năm với số tiền 24.000.000 đồng tính từ năm 2010.

Tại Văn bản số 05/UBND-KT ngày 07/01/2026, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn Ủy ban nhân dân xã C và người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Lưu Quang Vũ trình bày:

Ủy ban nhân dân xã C không lưu giữ bản gốc các hồ sơ chứng từ liên quan đến việc thu chi năm 2005 của Ủy ban nhân dân xã B cũ nên không có cơ sở khẳng định việc thu tiền của ông Đặng Văn L nhưng hồ sơ giải quyết đơn kiến nghị của ông L năm 2021 có được Ủy ban nhân dân xã Thach Bình bàn giao, trong đó có biên bản xác minh, văn bản trả lời cùng các các tài liệu khác nên thừa nhận Văn bản số 131/UBND-KNTC ngày 07/12/2021 do Ủy ban nhân dân xã B cũ ban hành là đúng và từ thời điểm kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân xã B ngày 01/7/2025 đến nay, Ủy ban nhân dân xã C chưa thực hiện việc trả tiền cho ông Đặng Văn L. Ủy ban nhân dân xã C đề nghị Tòa án trên cơ sở Văn bản số 131/UBND- KNTC ngày 07/12/2021 do Ủy ban nhân dân xã B cũ ban hành để giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Tại Bản tự khai, quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị L1 thống nhất với trình bày của nguyên đơn và đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn L. Số tiền 16.000.000 đồng nộp cho Ủy ban nhân dân xã B là tài sản chung vợ chồng nhưng bà L1 thống nhất yêu cầu Ủy ban nhân dân xã C chi trả cho ông Đặng Văn L.

Người làm chứng ông Nguyễn Huy L2 trình bày: Ông L2 nguyên là kế toán Ủy ban nhân dân xã B. Năm 2005 do cần kinh phí xây dựng Nhà văn hóa các thôn xóm nên xã có vận động các hộ gia đình có đất liền kề nộp tiền để làm thủ tục hợp thức

hóa. Việc ông L nộp tiền là đúng, ông L2 có ký vào Phiếu thu tiền. Sau đó, do trái thẩm quyền nên xã không làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L được, ông L bà L1 nhiều lần đến Ủy ban nhân dân xã B yêu cầu trả tiền nhưng do Ủy ban nhân dân xã đã chi vào các hoạt động của địa phương nên chưa có tiền trả cho ông L.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26, Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 351, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đặng Văn L: Buộc Ủy ban nhân dân xã C phải thanh toán cho ông Đặng Văn L số tiền 16.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả 24.000.000 đồng. Tổng cộng là 40.000.000 đồng.

- Về án phí: Buộc Ủy ban nhân dân xã C phải nộp số tiền 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đặng Văn L kiện tranh chấp về nghĩa vụ hoàn trả tiền, phát sinh từ quan hệ dân sự đối với Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, quan hệ pháp luật là "*Kiện đòi lại tài sản và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền"*, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Toà án nhân dân khu vực 1 – Hà Tĩnh.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hoàn trả số tiền 16.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ Phiếu thu số 13 ngày 30/12/2005 do Ủy ban nhân dân xã B lập, thể hiện Ủy ban nhân dân xã B đã thu của ông Đặng Văn L số tiền 16.000.000 đồng, trong phiếu thu ghi rõ lý do nộp: "*Tạm thu tiền hợp thức hóa quyền sử dụng đất lô đất kề vườn ở*". Phiếu thu có đầy đủ chữ ký của người lập phiếu, kế toán, thủ quỹ, thủ trưởng đơn vị và đóng dấu của Ủy ban nhân dân xã B, là chứng cứ hợp pháp. Tại Văn bản số 131/UBND-KNTC ngày 07/12/2021, Ủy ban nhân dân xã B cũng thừa nhận việc đã thu số tiền 16.000.000 đồng của ông L, số tiền này được nhập vào Sổ quỹ tiền mặt nông nghiệp của Ủy ban nhân dân xã; đồng thời xác nhận sau khi thu tiền, Ủy ban nhân dân xã B không thực hiện thủ tục hợp thức hóa thửa đất cho hộ ông L và chưa hoàn trả lại số tiền đã thu. Năm 2010, ông Đặng Văn L thực hiện thủ tục xin cấp đất tại Ủy ban nhân dân thành phố Hà Tĩnh, đã nộp đủ 100% tiền sử dụng đất theo quy định và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 18/6/2010. Hiện nay, Ủy ban nhân dân xã C là đơn vị kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân xã B cũ. Vì vậy, nguyên đơn ông Đặng Văn L khởi kiện yêu cầu bị đơn Ủy ban

nhân dân xã C hoàn trả số tiền 16.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 275, 280, 351 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo quy định tại Điều 37 Luật đất đai năm 2003, Ủy ban nhân dân cấp xã không có thẩm quyền giao đất cho tổ chức, cá nhân. Do vậy, việc Ủy ban nhân dân xã B thu tiền hợp thức hóa quyền sử dụng đất cho ông Đặng Văn L là trái quy định pháp luật. Vì vậy, Ủy ban nhân dân xã B phát sinh nghĩa vụ trả tiền cho ông L kể từ thời điểm thu tiền là ngày 30/12/2005. Việc Ủy ban nhân dân xã B không thực hiện nghĩa vụ trả tiền làm phát sinh trách nhiệm trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều 357 Bộ luật Dân sự: "*Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả*". Do các bên không có thỏa thuận về lãi suất, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự mức lãi suất áp dụng là 10%/năm. Mặc dù tại đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn thanh toán số tiền lãi trong 20 năm tương ứng 32.000.000 đồng nhưng tại phiên tòa nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu về tiền lãi, chỉ yêu cầu tiền lãi từ ngày được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 18/6/2010 với thời gian tính lãi là 15 năm tương ứng số tiền 24.000.000 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu về tiền lãi nói trên của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Tính từ ngày thu tiền 30/12/2005 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/01/2026 là 20 năm 0 tháng 29 ngày nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi với thời gian 15 năm tương ứng số tiền 24.000.000 đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 351, 357, 468 Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[6] Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 275, 280, 351, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Buộc bị đơn Ủy ban nhân dân xã C (kế thừa quyền và nghĩa vụ của Ủy ban nhân dân xã B cũ) phải thanh toán cho nguyên đơn ông Đặng Văn L số tiền đã nộp 16.000.000 đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền 24.000.000 đồng, tổng cộng là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*).

2. Về án phí sơ thẩm: Buộc bị đơn Ủy ban nhân dân xã C phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho nguyên đơn ông Đặng Văn L số tiền tạm ứng

án phí 1.200.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000134 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Cơ quan thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND khu vực 1 - Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

Hồ Văn Khánh **Nguyễn Duy Minh** **Lê Thanh Huyền**